Biểu 01

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1492 /QĐ-UBND ngày 16 / 8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

	Tên đơn vị	Tổng cộng	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ	Dự toán ngoài định mức (Chi thường xuyên không giao tự chủ)	Trong đó			Ghi chú
					Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ	Kinh phí ngân sách Trung ương	Kinh phí khác	
A	*B*	*1=2+3*	*2*	*3=4+5+6*	*4*	*5*	*6*	7
1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	33.066.081.337	7.025.081.337	26.041.000.000	471.000.000	400.000.000	25.170.000.000	Dự toán đã thực hiện: 9.093.393.029 đồng, dự toán còn lại: 23.972.688.308 đồng

Biểu 02

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH TĂNG DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1492 /QĐ-UBND ngày 16 / 8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ	Dự toán ngoài định mức (Chi thường xuyên không giao tự chủ)	Trong đó			Ghi chú
					Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ	Kinh phí ngân sách Trung ương	Kinh phí khác	
A	*B*	*1=2+3*	*2*	*3=4+5+6*	*4*	*5*	*6*	
	TỔNG CỘNG (I+II)	**33.066.081.337**	**7.025.081.337**	**26.041.000.000**	**471.000.000**	**400.000.000**	**25.170.000.000**	
I	**Điều chỉnh tăng cho các cơ quan, đơn vị**	**32.236.382.558**	**6.305.194.138**	**25.931.188.420**	**361.188.420**	**400.000.000**	**25.170.000.000**	
1	Sở Tài chính	3.614.866.220	224.841.484	3.390.024.736	32.083.560	400.000.000	2.957.941.176	Dự toán đã thực hiện: 513.939.380 đồng, dự toán còn lại: 3.100.926.840 đồng
2	Sở Công thương	7.688.315.421	519.236.968	7.169.078.453	73.196.100		7.095.882.353	Dự toán đã thực hiện: 1.381.277.480 đồng, dự toán còn lại: 6.307.037.941 đồng
3	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	20.801.203.790	5.447.602.858	15.353.600.932	240.071.520		15.113.529.412	Dự toán đã thực hiện: 7.198.176.169 đồng, dự toán còn lại: 13.603.027.621 đồng
4	Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn (Liên minh Hợp tác xã)	131.997.127	113.512.828	18.484.299	15.837.240		2.647.059	Dự toán còn lại: 131.997.127 đồng
II	**Điều chỉnh tăng nguồn ngân sách nhà nước**	**829.698.779**	**719.887.199**	**109.811.580**	**109.811.580**			**Dự toán còn lại (còn dư sau xử lý tài chính)**

Biểu 03

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1492 /QĐ-UBND ngày 16 / 8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	*B*	*1*	*2*
A	**Điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2026**	**33.066.081.337**	
1	**Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch**	**33.066.081.337**	**Dự toán đã thực hiện: 9.093.393.029 đồng, dự toán còn lại: 23.972.688.308 đồng**
a	**Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ**	**7.025.081.337**	**Dự toán đã thực hiện: 3.707.604.986 đồng, dự toán còn lại: 3.317.476.351 đồng**
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương	6.151.000.000	Dự toán đã thực hiện: 3.279.767.801 đồng, dự toán còn lại: 2.871.232.199 đồng
	Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND	874.081.337	Dự toán đã thực hiện: 427.837.185 đồng, dự toán còn lại: 446.244.152 đồng
b	**Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nguồn 18)**	**471.000.000**	**Dự toán còn lại: 471.000.000 đồng**
c	**Kinh phí khác (chi thường xuyên không giao tự chủ)**	**25.170.000.000**	**Dự toán đã thực hiện: 5.271.354.043 đồng, dự toán còn lại: 19.898.645.957 đồng**
	Kinh phí thi đua khen thưởng	90.000.000	Dự toán còn lại: 90.000.000 đồng
	Kinh phí mua sắm mới 01 bộ máy tính	20.000.000	Dự toán đã thực hiện: 20.000.000 đồng
	Kinh phí mua sắm mới 01 máy phô tô	80.000.000	Dự toán còn lại: 80.000.000 đồng
	Kinh phí sửa chữa ô tô	45.000.000	Dự toán đã thực hiện: 8.082.000 đồng, dự toán còn lại: 36.918.000 đồng
	Kinh phí tiền điện và bảo dưỡng màn hình Led đường Hùng Vương	66.000.000	Dự toán đã thực hiện: 55.672.853 đồng, dự toán còn lại: 10.327.147 đồng
	Kinh phí chương trình xúc tiến đầu tư	1.650.000.000	Dự toán đã thực hiện: 399.505.380 đồng, dự toán còn lại: 1.250.494.620 đồng
	Kinh phí thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh tỉnh Lạng Sơn (DDCI) năm 2026	1.300.000.000	Dự toán còn lại: 1.300.000.000 đồng
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 27/9/2025 thực hiện Nghị quyết số 223-NQ/TU ngày 30/5/2025 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035	10.000.000.000	Dự toán đã thực hiện: 262.915.930 đồng, dự toán còn lại: 9.737.084.070 đồng
	Kinh phí Hỗ trợ hoạt động chuyên môn của Công viên địa chất Lạng Sơn.	300.000.000	Dự toán đã thực hiện: 299.487.066 đồng, dự toán còn lại: 512.934 đồng
	Kinh phí Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên Mẫu Sơn.	239.000.000	Dự toán đã thực hiện: 132.292.600 đồng, dự toán còn lại: 106.707.400 đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Kinh phí Chương trình tiết kiệm năng lượng theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giải đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	2.030.000.000	Dự toán còn lại: 2.030.000.000 đồng
	Kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 28/3/2025 của HĐND tỉnh	5.050.000.000	Dự toán đã thực hiện: 1.381.277.480 đồng, dự toán còn lại: 3.668.722.520 đồng
	Kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin Xây dựng và phát triển Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2026 theo quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh.	700.000.000	Dự toán đã thực hiện: 349.999.998 đồng, dự toán còn lại: 350.000.002 đồng
	Kinh phí Chương trình Xúc tiến Du lịch	3.600.000.000	Dự toán đã thực hiện: 2.362.120.736 đồng, dự toán còn lại: 1.237.879.264 đồng
d	**Kinh phí ngân sách Trung ương**	**400.000.000**	**Dự toán đã thực hiện: 114.434.000 đồng, dự toán còn lại: 285.566.000 đồng**
	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lạng Sơn (Hỗ trợ nguồn nhân lực)	400.000.000	Dự toán đã thực hiện: 114.434.000 đồng, dự toán còn lại: 285.566.000 đồng
B	**Điều chỉnh tăng dự toán chi NSNN năm 2026**	**32.236.382.558**	
1	**Sở Tài chính**	**3.614.866.220**	**Dự toán đã thực hiện: 513.939.380 đồng, dự toán còn lại: 3.100.926.840 đồng**
a	**Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ**	**224.841.484**	**Dự toán còn lại (3 biên chế Sở Tài chính tiếp nhận)**
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương	185.467.000	
	Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND	39.374.484	
b	**Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nguồn 18)**	**32.083.560**	**Dự toán còn lại (3 biên chế Sở Tài chính tiếp nhận)**
c	**Kinh phí khác (chi thường xuyên không giao tự chủ)**	**2.957.941.176**	**Dự toán đã thực hiện: 399.505.380 đồng, cdự toán òn lại: 2.558.435.796 đồng**
	Kinh phí thi đua khen thưởng	7.941.176	Dự toán còn lại (3 biên chế Sở Tài chính tiếp nhận)
	Kinh phí chương trình xúc tiến đầu tư	1.650.000.000	Dự toán đã thực hiện: 399.505.380 đồng, dự toán còn lại: 1.250.494.620 đồng
	Kinh phí thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh tỉnh Lạng Sơn (DDCI) năm 2026	1.300.000.000	Dự toán còn lại 1.300.000.000 đồng
d	**Kinh phí ngân sách Trung ương**	**400.000.000**	**Dự toán đã thực hiện: 114.434.000 đồng, dự toán còn lại: 285.566.000 đồng**
	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lạng Sơn (Hỗ trợ nguồn nhân lực)	400.000.000	Dự toán đã thực hiện: 114.434.000 đồng, dự toán còn lại: 285.566.000 đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
2	**Sở Công Thương**	**7.688.315.421**	**Dự toán đã thực hiện: 1.381.277.480 đồng, dự toán còn lại: 6.307.037.941 đồng**
a	**Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ**	**519.236.968**	Dự toán còn lại (6 biên chế Sở Công thương tiếp nhận)
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương	440.488.000	
	Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND	78.748.968	
b	**Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nguồn 18)**	**73.196.100**	Dự toán còn lại (6 biên chế Sở Công thương tiếp nhận)
c	**Kinh phí khác (chi thường xuyên không giao tự chủ)**	**7.095.882.353**	**Dự toán đã thực hiện: 1.381.277.480, dự toán còn lại: 5.714.604.873 đồng**
	Kinh phí thi đua khen thưởng	15.882.353	Dự toán còn lại (6 biên chế Sở Công thương tiếp nhận)
	Kinh phí Chương trình tiết kiệm năng lượng theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	2.030.000.000	Dự toán còn lại: 2.030.000.000 đồng
	Kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại theo Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐND ngày 28/3/2025 của HĐND tỉnh	5.050.000.000	Dự toán đã thực hiện: 1.381.277.480 đồng, dự toán còn lại: 3.668.722.520 đồng
3	**Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**	**20.801.203.790**	**Dự toán đã thực hiện: 7.198.176.169 đồng, dự toán còn lại: 13.603.027.621 đồng**
a	**Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ**	**5.447.602.858**	
a1	**Phần dự toán TTXT đã thực hiện**	**3.707.604.986**	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ (Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương, định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND) Trung Tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch đã thực hiện từ 01/01/2026 tới 31/7/2026
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương	3.279.767.801	
	Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND	427.837.185	
a2	**Phần dự toán còn lại**	**1.739.997.872**	24 biên chế Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiếp nhận
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương	1.425.002.000	
	Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND	314.995.872	
b	**Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nguồn 18)**	**240.071.520**	Dự toán còn lại (24 biên chế Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiếp nhận)
c	**Kinh phí khác (chi thường xuyên không giao tự chủ)**	**15.113.529.412**	**Dự toán đã thực hiện: 3.490.571.183 đồng, dự toán còn lại: 11.622.958.229 đồng**

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Kinh phí thi đua khen thưởng	63.529.412	Dự toán còn lại (24 biên chế Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiếp nhận)
	Kinh phí mua sắm mới 01 bộ máy tính	20.000.000	Dự toán đã thực hiện: 20.000.000 đồng
	Kinh phí mua sắm mới 01 máy phô tô	80.000.000	Dự toán còn lại: 80.000.000 đồng
	Kinh phí sửa chữa ô tô	45.000.000	Dự toán đã thực hiện: 8.082.000 đồng, dự toán còn lại: 36.918.000 đồng
	Kinh phí tiền điện và bảo dưỡng màn hình Led đường Hùng Vương	66.000.000	Dự toán đã thực hiện: 55.672.853 đồng, dự toán còn lại: 10.327.147 đồng
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 27/9/2025 thực hiện Nghị quyết số 223-NQ/TU ngày 30/5/2025 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035	10.000.000.000	Dự toán đã thực hiện: 262.915.930 đồng, dự toán còn lại: 9.737.084.070 đồng
	Kinh phí Hỗ trợ hoạt động chuyên môn của Công viên địa chất Lạng Sơn.	300.000.000	Dự toán đã thực hiện: 299.487.066 đồng, dự toán còn lại: 512.934 đồng
	Kinh phí Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên Mẫu Sơn.	239.000.000	Dự toán đã thực hiện: 132.292.600 đồng, dự toán còn lại: 106.707.400 đồng
	Kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin Xây dựng và phát triển Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2026 theo quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh.	700.000.000	Dự toán đã thực hiện: 349.999.998 đồng, dự toán còn lại: 350.000.002 đồng
	Kinh phí Chương trình Xúc tiến Du lịch	3.600.000.000	Dự toán đã thực hiện: 2.362.120.736 đồng, dự toán còn lại: 1.237.879.264 đồng
4	**Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn (Liên minh Hợp tác xã)**	**131.997.127**	**Dự toán còn lại: 131.997.127 đồng (01 biên chế đơn vị tiếp nhận)**
a	**Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ**	**113.512.828**	
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương	100.388.000	
	Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND	13.124.828	
b	**Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nguồn 18)**	**15.837.240**	
c	**Kinh phí khác (chi thường xuyên không giao tự chủ)**	**2.647.059**	
	Kinh phí thi đua khen thưởng	2.647.059	
C	**Điều chỉnh tăng nguồn ngân sách nhà nước**	**829.698.779**	**Dự toán còn lại (còn dư sau xử lý tài chính)**
a	**Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ**	**719.887.199**	
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương	719.887.199	
b	**Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nguồn 18)**	**109.811.580**	